

Vietnam Monthly Review 2020 M05

BSC Research

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11, Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Hồ Chí Minh

Tầng 9, 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3812 8885
Fax: +84 8 3812 8510

Kinh tế vĩ mô

- PMI tháng 5/2020 tăng lên 42.7 điểm, hồi phục tích cực sau khi giảm xuống 32.7 điểm trong tháng 4
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2020 ước tính đạt 384.8 nghìn tỷ đồng, tăng 26.9% so với tháng trước và giảm -4.8% so với cùng kỳ năm trước.
- FDI đăng ký đạt mức 10.9 tỷ USD tăng 19.9% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt mức 6.7 tỷ USD giảm 8.2% so với năm ngoái.
- Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 05 dao động trong khoảng 23,360 – 23,520 USD/VND, giảm so với biên độ 23,510 – 23,650 USD/VND trong tháng 4. Lãi suất liên ngân hàng tại trung hạn giảm. Lãi suất liên ngân hàng tại ngắn hạn giảm nhẹ vào tuần đầu trước khi giảm mạnh tại các tuần kế tiếp.

Thị trường chứng khoán

- Tính đến ngày 29/05/2020, VN-Index chính thức tăng 95.36 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+12.3% MoM, -10.0% Ytd) và HNX-Index chỉ tăng +2.97 điểm (+2.8% MoM, +7.1% Ytd).
- Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng mạnh +131% so với tháng 04/2020, và đạt mức 6,237 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 268.85 triệu USD/phiên.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong tháng 05. Họ bán ròng trên sàn HSX với giá trị -558 tỷ đồng và -255 tỷ đồng trên sàn HNX.
- P/E của VN-Index hồi phục mạnh lên mức 14.29 tương ứng +20.8% MoM, -7.1% Ytd và HNX-Index giảm xuống mức 8.27 tương ứng -3.3% MoM, +14.4% Ytd. So với tháng 03, P/E của chỉ số VN-Index tăng lên vị trí thứ 13 và HNX-Index nằm ở vị cuối trong khu vực Châu Á.

Nhận định thị trường tháng 06

Sau hơn 1 tháng tăng điểm, mặt bằng giá đã gần về mức giá trước dịch bệnh do các công ty sụt giảm lợi nhuận 23% trong quý I. Thị trường sẽ sớm đối mặt với kiểm định thực tế của KQKD của các công ty niêm yết trong quý II. Dư địa tăng điểm thu hẹp trong khi các yếu tố rủi ro trong khu vực và thế giới ngày càng khó lường. Với bối cảnh hiện tại, chúng tôi thận trọng với diễn biến ngắn hạn và dự báo thị trường sẽ vận động từ 800 – 880 điểm trong tháng 6. BSC đưa ra 2 kịch bản tham khảo như sau:

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 835 điểm ở nhịp điều chỉnh và vận động phân hóa theo những chủ đề lớn liên quan đến đầu tư công và sản xuất hồi phục.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index giảm dưới 800 điểm khi nền kinh tế chủ chốt hồi phục không như kỳ vọng, căng thẳng Mỹ - Trung gia tăng và áp lực thoái vốn từ khối ngoại.
- **Cổ phiếu khuyến nghị:**
 - Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng ngành Q2 2020 ([Link](#));
 - Nhóm cổ phiếu cổ phiếu ngành Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
 - Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hoạt động đẩy mạnh đầu tư công như Thép, Xi măng VLXD, Nhựa đường;
 - Nhóm hưởng lợi từ NVL đầu vào giảm như Phân bón, Xăm lốp, Hóa chất;
 - Các cổ phiếu Tiện ích, cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao
 - Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Danh mục-Invest: Danh mục đáng chú ý trong tháng [Theme_VN FinSelect_0.4%](#).

Bức tranh vĩ mô tháng 4/2020

Tăng trưởng kinh tế

- **PMI tháng 5/2020 tăng lên 42.7 điểm, hồi phục tích cực sau khi giảm xuống 32.7 điểm trong tháng 4**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5/2020 ước tính tăng 11.2% so với tháng trước và giảm 3.1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm -13%; chế biến, chế tạo giảm -2.4%; sản xuất và phân phối điện tăng 2%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2.3%.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tháng 4 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 24.3%, sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 8.4%, sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 7.2%

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 5/2020 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: thép thanh, thép góc tăng 16%; nhôm tăng 15.8%; sữa bột tăng 9.9%.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp năm tháng đầu 2020 ước tính tăng 1% với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm -8.1%; chế biến, chế tạo tăng 2.2%; sản xuất và phân phối điện tăng 2.6%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2.9%.

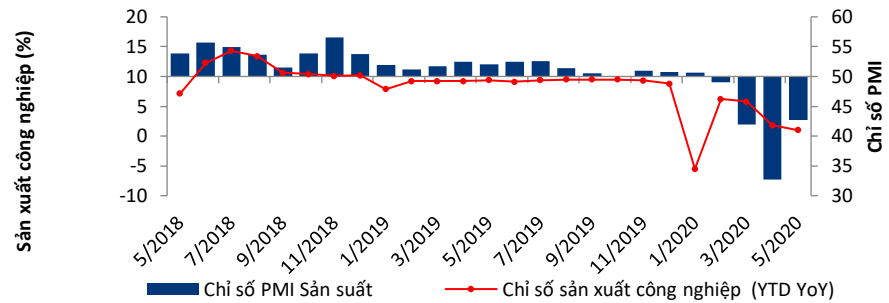
Trong năm tháng đầu 2020, trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tăng khá so với cùng kỳ năm trước: sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 25.9%, sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 12.9%, sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 9.3%

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong năm tháng đầu 2020 tăng khá so với cùng kỳ năm trước: linh kiện điện thoại tăng 18.1%; bột ngọt tăng 13.1%; thép thanh, thép góc tăng 12.1%.

Trước tình hình dịch Covid-19 cơ bản được kiểm soát, cả nước bước sang giai đoạn vừa phòng, chống dịch bệnh vừa khôi phục và phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất công nghiệp đã có tín hiệu tích cực khi chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5/2020 đạt mức tăng 11,2% so với tháng trước mặc dù vẫn giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 5 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 1%, là mức tăng thấp nhất nhiều năm qua.

Đồ thị 1

Chỉ số sản xuất công nghiệp & PMI



Nguồn: GSO, Markit, BSC Research

PMI tháng 5/2020 tăng lên 42.7 điểm, hồi phục tích cực sau khi giảm xuống 32.7 điểm trong tháng 4, thấp hơn nhiều mức trung bình của năm 2019 là 51.5 điểm. Dữ liệu mới nhất tiếp tục cho thấy việc suy giảm các điều kiện sản xuất kinh doanh, dù mức độ suy giảm thấp hơn nhiều, bởi Covid-19 được kiểm soát tại Việt Nam:

- Sản lượng ngành sản xuất giảm tháng thứ sáu liên tiếp. Tuy vậy, mức độ giảm là thấp hơn nhiều so cùng tháng liền trước.
- Lượng đơn đặt hàng mới suy giảm, tuy mức giảm thấp hơn đáng kể so cùng tháng liền trước. Đơn đặt hàng hóa xuất khẩu suy giảm bởi cầu nước ngoài giảm khi các đối tác chủ chốt của Việt Nam tiếp tục chịu tác động của dịch Covid-19.
- Việc làm giảm bởi các nhà sản xuất thận trọng trong việc tuyển dụng khi năng lực sản xuất chưa được tận dụng hết.
- Hoạt động mua hàng cùng lượng tồn kho giảm. Thời gian giao hàng vẫn kéo dài, do đầu đó vẫn xuất hiện gián đoạn trong chuỗi cùng ứng. Giá dầu tại mức thấp tiếp tục hỗ trợ chi phí đầu vào.
- Trong tình hình như vậy, triển vọng kinh doanh một năm lạc quan hơn nhưng vẫn trong trạng thái tiêu cực, do lo ngại tác động kéo dài của đại dịch.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI của Trung Quốc hồi phục lên mức 50.7 điểm trong tháng 5, báo hiệu cải thiện trong điều kiện sản xuất kinh doanh. Sản lượng ngành sản xuất tăng nhanh nhất trong hơn chín năm. Tuy vậy, lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục suy giảm, chủ yếu do cầu hàng hóa thế giới giảm – nhiều nước đối tác vẫn duy trì các biện pháp phòng chống Covid-19. Việc làm tiếp tục suy giảm, tại mức thấp nhất trong bốn tháng, trong khi hoạt động mua hàng tăng nhẹ. Triển vọng kinh doanh một năm chuyển sang trạng thái tích cực, cùng kỳ vọng vĩ mô thế giới hồi phục, khi dịch bệnh được kiểm soát.

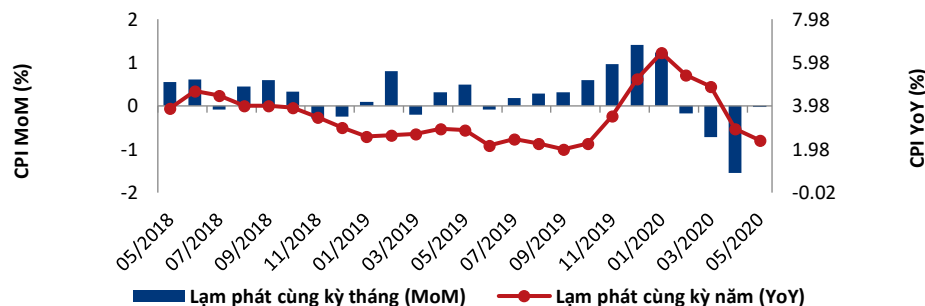
Lạm phát

- **CPI tháng 05 giảm -0.03% so với tháng 04 chủ yếu do việc triển khai những chính sách hỗ trợ kinh doanh sản xuất, cũng như hoạt động điều chỉnh giảm giá xăng dầu, cùng với hoạt động điều chỉnh giảm lãi suất điều hành.**

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của tháng 05 giảm -0.03% so với tháng trước, và tăng 2.40% so với cùng kỳ năm 2019. Lạm phát cơ bản tháng 05/2020 giảm -0.03% so với tháng trước và tăng 2.54% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 2

Diễn biến CPI tháng



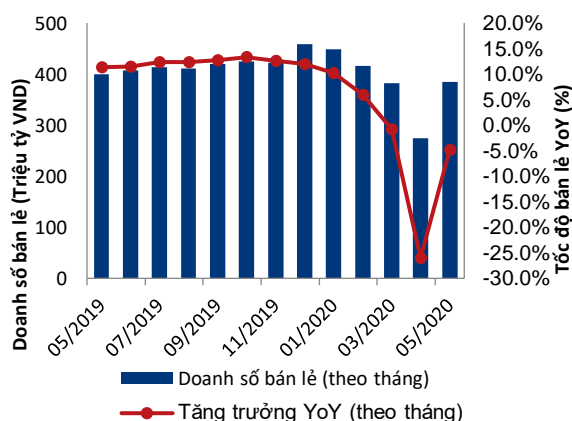
Nguồn: GSO, BSC Research

Trong tháng 05, chỉ số giá của 4/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ ghi nhận giảm giá so với tháng trước. Biến động của CPI trong tháng được gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- **Nhóm giao thông giảm -2.21%** do ảnh hưởng của đợt điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 28/4/2020 và tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 13/5/2020 làm chỉ số giá xăng, dầu giảm -4.98% (tác động làm CPI chung giảm -0.21%), bên cạnh đó, nhiều chương trình khuyến mại để kích cầu tiêu dùng của các hãng xe ô tô đưa ra nhằm giảm lượng hàng tồn kho làm giá ô tô giảm -0.25%;
- **Nhóm bưu chính viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch đều giảm -0.02%;**
- **Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép giảm -0,01%** do các cửa hàng thời trang đã áp dụng nhiều chương trình giảm giá để thu hút khách hàng sau ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Đồ thị 3

Doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 1: Tăng/giảm CPI các nhóm hàng hóa dịch vụ trong tháng

TT	Nhóm hàng hóa, dịch vụ	So với tháng trước (điểm %)	So với cùng kỳ (điểm %)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn	0.34	12.11
2	Đồ uống và thuốc lá	0.25	1.7
3	May mặc, mũ nón, giày	-0.01	0.82
4	Nhà ở và VLXD	0.25	0.37
5	Thiết bị và đồ dùng gia	0.05	1.29
6	Thuốc và dịch vụ y tế	0.04	3.41
7	Giao thông	-2.21	-23.37
8	Bưu chính viễn thông	-0.02	-0.57
9	Giáo dục	0	4.58
10	Văn hoá, giải trí và du lịch	-0.02	-1.41
11	Khác	0.07	3.27

Nguồn: GSO, BSC Research

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2020 ước tính đạt 384.8 nghìn tỷ đồng, tăng 26.9% so với tháng trước và giảm -4.8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 5/2020 ước tính đạt 311.1 nghìn tỷ đồng, tăng 17.3% MoM và tăng 1.6% YoY.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- FDI đăng ký đạt mức 10.9 tỷ USD tăng 19.9% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt mức 6.7 tỷ USD giảm 8.2% so với năm ngoái.
- Năm tháng đầu 2020, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa là tâm điểm thu hút dòng vốn FDI

Tổng vốn FDI đăng ký mới đến hết 20/05/2020 của 1,212 dự án (-11.1% YoY) đạt 7.4 tỷ USD (+15.2% YoY), cộng với 3.5 tỷ USD vốn đăng ký điều chỉnh của 436 dự án đã cấp phép trong các năm trước. Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 10.9 tỷ USD (+19.9% YoY).

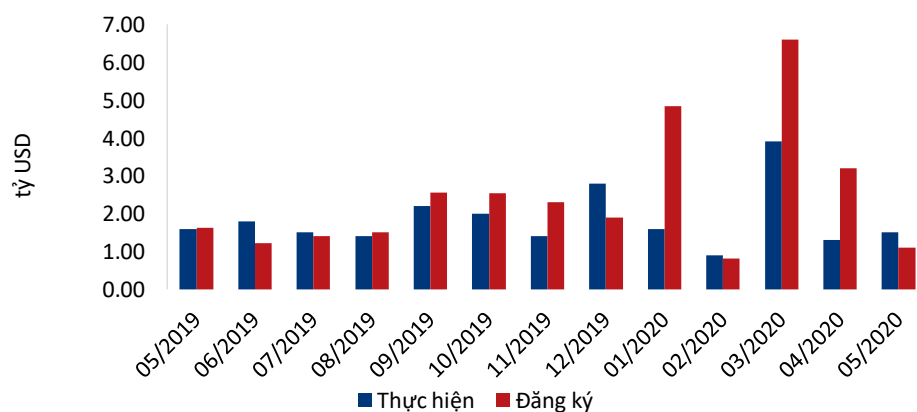
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện đến hết 20/05/2020 ước tính đạt 6.7 tỷ USD, giảm -8.2% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong năm tháng đầu 2020, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa được cấp phép mới đầu tư nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 4 tỷ USD, chiếm 53.8% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt 2.8 tỷ USD, chiếm 37%; các ngành còn lại đạt 0.7 tỷ USD, chiếm 9.2%.

Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư nước ngoài vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 5.8 tỷ USD, chiếm 53.3% tổng vốn đăng ký; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 3.8 tỷ USD, chiếm 35.3%; các ngành còn lại đạt 1.2 tỷ USD, chiếm 11.4%.

Đồ thị 4

Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Top 3 khu vực thu hút FDI đăng ký cả nước: Bạc Liêu (4 tỷ USD), Hà Nam (0.4 tỷ USD), Tây Ninh (0.3 tỷ USD).

Trong 4 tháng đầu năm, Singapore là nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đầu tư 4.3 tỷ USD, chiếm 58% tổng vốn đăng ký cấp mới; đứng thứ hai là Đài Loan với 0.7 tỷ USD, chiếm 10% và Trung Quốc với 0.7 tỷ USD, chiếm 9.3%.

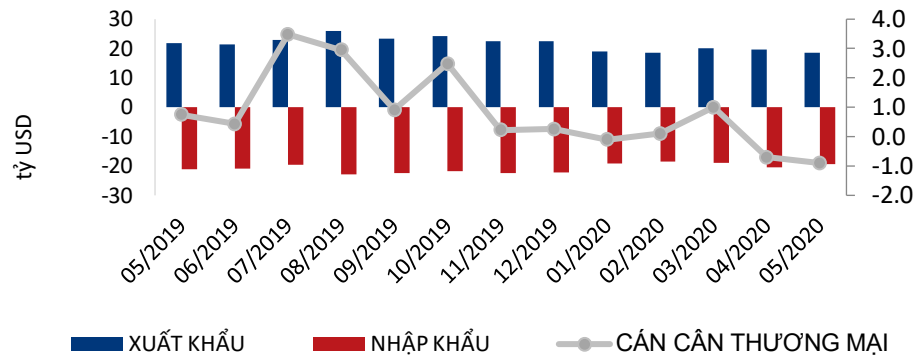
Thương mại, Xuất nhập khẩu

- **Cán cân thương mại tháng 05 ước tính nhập siêu 0.9 tỷ USD. Cán cân thương mại 5 tháng đầu năm 2020 ước tính xuất siêu 1.9 tỷ USD.**
- **Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 05 ước đạt 18.5 tỷ USD, tăng 5.2% so với tháng trước và giảm -15.5% so với cùng kỳ 2019. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 5 tháng đầu năm 2020 ước đạt 99.4 tỷ USD, giảm -1.7% so với cùng kỳ 2019.**
- **Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 05 ước đạt 19.4 tỷ USD, tăng 4.7% so với tháng trước và giảm -15.9% so với cùng kỳ 2019. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 5 tháng đầu năm 2020 ước đạt 97.5 tỷ USD, giảm -3.8% so với cùng kỳ 2019.**

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 05 ước đạt 18.5 tỷ USD, tăng 5.2% so với tháng trước và giảm -15.5% so với cùng kỳ 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6.6 tỷ USD, tăng 1.1% so với tháng trước và tăng 0.5% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.9 tỷ USD, tăng 7.6% so với tháng trước, và giảm -22.3% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 5/2020, so với cùng kỳ 2019, các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn gồm điện tử, máy tính và linh kiện đạt mức 3.2 tỷ USD (+9% YoY), điện thoại và linh kiện đạt 2.6 tỷ USD (-30% YoY), dệt may đạt 1.8 tỷ USD (-34.3% YoY).

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm tháng đầu 2020 ước đạt 99.4 tỷ USD, giảm -1.7% so với cùng kỳ 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 33.3 tỷ USD, tăng 10.4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 66.1 tỷ USD, giảm -6.1% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm tháng đầu 2020, so với cùng kỳ 2019, các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn gồm điện thoại và linh kiện đạt mức 18.0 tỷ USD (-8.8% YoY), điện tử, máy tính và linh kiện đạt 15.3 tỷ USD (+22.1% YoY), dệt may đạt 10.4 tỷ USD (-14.5% YoY).

Đồ thị 5 Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 2

Top 10 mặt hàng xuất khẩu.

STT	Mặt hàng xuất khẩu	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện thoại, linh kiện	17.98	-8.80
2	Điện tử máy tính	15.34	22.10
3	Dệt may	10.45	-14.50
4	Máy móc, thiết bị khác	8.53	25.00
5	Giày dép	6.76	-4.80
6	Gỗ & SP từ gỗ	4.05	0.00
7	PT vận tải & phụ tùng	3.14	-12.20
8	Thủy sản	2.85	-10.30
9	Sắt thép	1.63	-13.50
10	Rau quả	1.58	-10.30

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 3

Top 10 hàng hóa nhập khẩu

STT	Mặt hàng NK	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện tử, máy tính	21.79	8.70
2	Máy móc, thiết bị	14.35	(3.00)
3	Điện thoại, linh kiện	4.87	0.20
4	Vải	4.66	(14.50)
5	Sắt thép	3.44	(15.90)
6	Chất dẻo	3.29	(10.70)
7	SP chất dẻo	2.76	7.60
8	Kim loại khác	2.41	(8.80)
9	SP hóa chất	2.28	8.00
10	Ô tô	2.17	(29.70)

Nguồn: GSO, BSC Research

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 05 ước đạt 19.4 tỷ USD, tăng 4.7% so với tháng trước và giảm -15.9% so với cùng kỳ 2019. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8.8 tỷ USD, tăng 4.7% so với tháng trước và giảm -12.7% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 10.6 tỷ USD, tăng 4.8% so với tháng trước và giảm -18.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 5/2020, so với cùng kỳ 2019, các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn gồm điện tử, máy tính và linh kiện đạt mức 4.2 tỷ USD (-1.5% YoY), máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 3.1 tỷ USD (-4.9% YoY), vải đạt 1.1 tỷ USD (-19.8% YoY)

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm tháng đầu 2020 ước đạt 97.5 tỷ USD, giảm -3.8% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 41.9 tỷ USD, giảm -3.2% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 55.5 tỷ USD, giảm -4.3% so với cùng kỳ năm trước. Trong năm tháng

đầu 2020, so với cùng kỳ 2019, các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn gồm điện tử, máy tính và linh kiện đạt mức 21.8 tỷ USD (+8.7% YoY), máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 14.4 tỷ USD (-3.0% YoY), điện thoại và linh kiện đạt 4.9 tỷ USD (+0.2% YoY).

Dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp tại các thị trường là đối tác thương mại chính của nước ta gây ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động xuất, nhập khẩu của Việt Nam. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 5 tháng đầu năm ước tính đạt 196,84 tỷ USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 99,36 tỷ USD, giảm 1,7%, nhập khẩu đạt 97,48 tỷ USD, giảm 3,8%. Cán cân thương mại hàng hóa 5 tháng ước tính tiếp tục có mức xuất siêu 1,9 tỷ USD.

Thị trường ngoại hối

- Tỷ giá USD/VND trong tháng 5 giảm so với tháng 4 khi dòng tiền thế giới chảy vào TTCK (S&P500 +4.5%, Dow Jones +4.3%), đồng thời nhập khẩu giảm mạnh.
- Vận động chỉ số Dollar Index trong tháng 5 tương đương tháng trước, FED giữ lãi suất tại mức thấp, đồng thời tiếp tục bơm thanh khoản trong tháng 5.

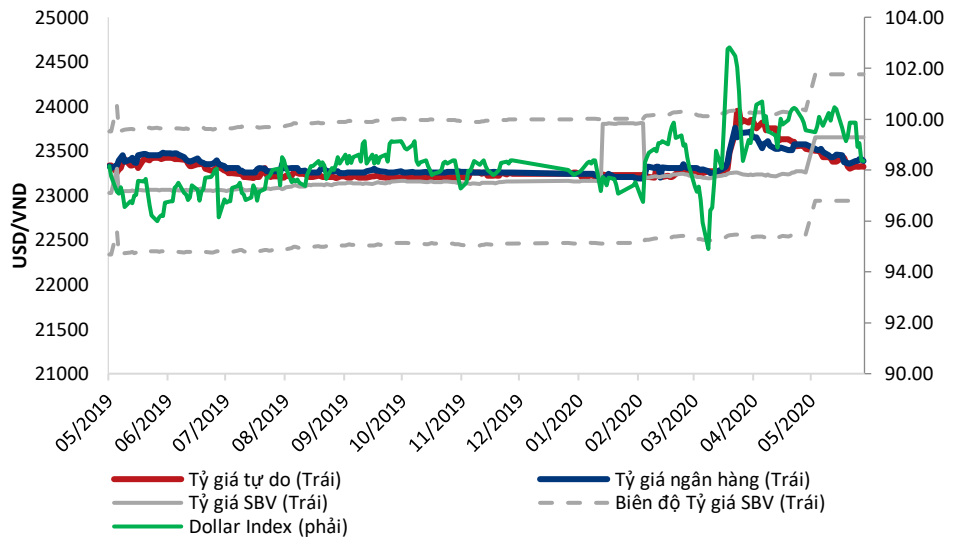
Tỷ giá trung tâm trong tháng 5 dao động trong khoảng 23,242 – 23,271 USD/VND, tăng nhẹ so với biên độ 23,216 – 23,272 USD/VND trong tháng 4. Mức trung bình trong tháng là 23,256 USD/VND. Ngày 29/5, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,261, tăng 0.45% YTD và tăng 0.85% YoY.

Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 05 dao động trong khoảng 23,360 – 23,520 USD/VND, giảm so với biên độ 23,510 – 23,650 USD/VND trong tháng 4. Mức trung bình trong tháng là 23,433 USD/VND. Ngày 29/5, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,390, tăng 0.65% YTD và giảm -0.36% YoY.

Tỷ giá tự do trong tháng 04 dao động trong khoảng 23,300 – 23,500 USD/VND, giảm so với biên độ 23,520 – 23,850 USD/VND trong tháng 4. Mức tỷ giá tự do trung bình trong tháng là 23,392 USD/VND. Ngày 29/5, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,320, tăng 0.26% YTD và giảm -0.45% YoY.

Chỉ số giá Dollar Index cuối tháng 5 giảm -1.23% so với cuối tháng 4, và tăng 1.67% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số này dao động trong biên độ từ 98.34 – 100.47 điểm, với mức trung bình tháng đạt 99.61. điểm. Hiện tại chỉ số đạt mức 98.34 điểm.

Đồ thị 6 Diễn biến tỷ giá



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

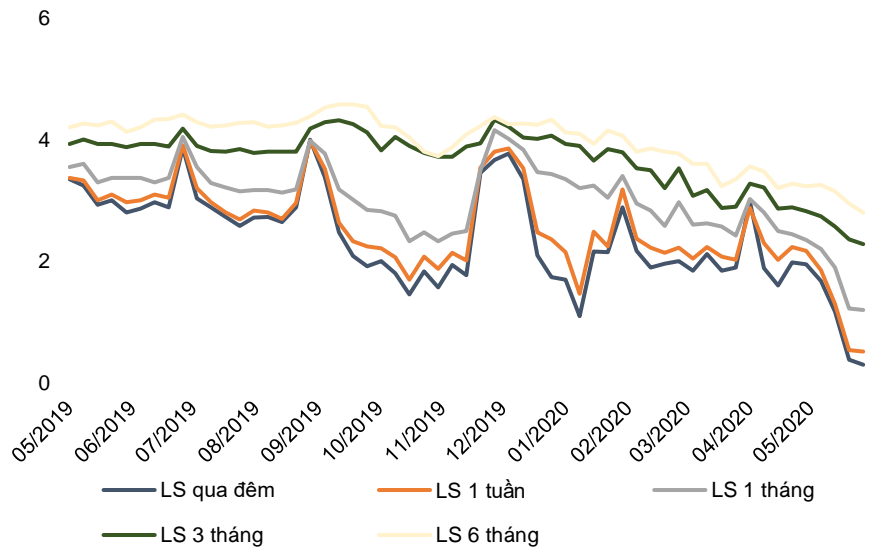
Ngân hàng - Lãi suất

- **Lãi suất liên ngân hàng tại trung hạn giảm. Lãi suất liên ngân hàng tại ngắn hạn giảm nhẹ vào tuần đầu trước khi giảm mạnh tại các tuần kế tiếp.**
- **Mặt bằng lãi suất huy động giảm, mặt bằng lãi suất cho vay trung và dài hạn vẫn khá ổn định.**

Lãi suất liên ngân hàng trung hạn trong tháng 5 điều chỉnh giảm so cùng tháng trước. Lãi suất ngắn hạn giảm nhẹ vào tuần đầu tháng, trước khi giảm mạnh trong những tuần sau đó, khi Ngân hàng Nhà nước ban hành công văn giải đáp, hướng dẫn thực hiện thông tư 01/2020/TT-NHNN, cũng như ban hành quyết định 918 tới 920, điều chỉnh giảm lãi suất điều hành. NHNN không có nhiều hoạt động tại kênh tín phiếu hay kênh OMO trong tháng 5. Tại ngày 29/5, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, và 6 tháng lần lượt đạt 0.30%, 0.52%, 1.20%, 2.28% và 2.80%.

Tính tới 22/5, mặt bằng lãi suất huy động VND phổ biến ở mức 0.1-0.2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4.0-4.25%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5.1-6.6%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6.6-7.4%/năm. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6.0-9.0%/năm đối với ngắn hạn; 9.0-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 7 Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research.

Dự báo vĩ mô tháng 05/2020

Xét trên bình diện quốc tế, kinh tế vĩ mô tháng 05/2020 của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi một số tác động sau:

- 1. Cuộc họp chính sách tiền tệ của FED (11/06):** Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ khả năng cao duy trì lãi suất tại 0-0.25% trong cuộc họp chính sách tới. Vận động thị trường cho thấy, chính sách lãi suất thấp được dùng trong trung, dài hạn. Lợi suất tín phiếu chính phủ Hoa Kỳ kỳ hạn hai năm duy trì tại mức thấp 0.15-0.20% trong tháng 5, giảm nhẹ so với 0.20-0.25% trong tháng 4. Nhiều bang tại Mỹ tái khởi động hoạt động sản xuất kinh doanh, tác động tích cực tâm lý thị trường. VIX Index – chỉ báo biến động thị trường – tiếp tục giảm 19.4% trong tháng 5, sau khi giảm mạnh 36.2% trong tháng 4. Chủ tịch Jerome Powell nhiều lần khẳng định FED duy trì chính sách nới lỏng cho tới khi nền kinh tế Hoa Kỳ hồi phục, cùng tỷ lệ thất nghiệp bình ổn trở lại. Tâm điểm cuộc họp trung tuần tháng 6 xoay quanh gói tín dụng có trị giá 600 tỷ USD, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, bằng các khoản vay thời hạn bốn năm. Biện pháp kiểm soát đường cong lợi suất tín phiếu theo kiểu Nhật cũng có thể được đem ra thảo luận. Chỉ báo vĩ mô cho thấy sự hồi phục nhất định sau khi các biện pháp phòng chống dịch bệnh bắt đầu được gỡ bỏ. Đơn xin trợ cấp tăng 2.1 triệu trong tuần kết thúc hôm 23/05, thấp nhất kể từ thời điểm dịch bệnh Covid-19 bùng phát. Đơn xin trợ cấp trung bình bốn tuần giảm tại tuần thứ năm liên tiếp xuống 2.6 triệu trong tuần kết thúc hôm 23/05. Lượng người trong trạng thái nhận trợ cấp giảm xuống 21.1 triệu trong tuần kết thúc hôm 16/05, so với đỉnh 24.9 triệu trong tuần kết thúc hôm 09/05. Chỉ số PMI dịch vụ tăng lên 36.9 trong tháng 05 từ mức 26.7 trong tháng 04. Chỉ số PMI sản xuất tăng lên 39.8 trong tháng 05 từ mức 36.1 trong tháng 04. Điều này cho thấy thời điểm khó khăn nhất với khu vực dịch vụ và sản xuất có thể đã qua đi. Với các chỉ số vĩ mô như vậy, FED có khả năng không thay đổi điều hành chính sách tiền tệ trong khoảng thời gian dài sắp tới.
- 2. Cuộc họp chính sách của ECB (04/06):** Ngân hàng Trung ương Châu Âu khả năng cao tiếp tục duy trì lãi suất tại mức -0.5% trong cuộc họp chính sách tới. Vận động thị trường cho thấy, ECB duy trì lãi suất điều hành tại mức hiện hành cho tới hết năm 2020. Tuy vậy, các biện pháp tiền tệ khác, mở rộng thu mua trái phiếu trong chương trình Pandemic Emergency Purchase Program (PEPP) – từ giá trị hiện hành tại mức 750 tỷ EUR. Điều này phù hợp với nhu cầu tài chính của các nước thành viên, khi mới đây, European Commission cũng đề xuất quỹ hỗ trợ hồi phục trị giá 750 tỷ EUR. ECB có thể sẽ thảo luận việc mở rộng mục tiêu thu mua trái phiếu thêm vào những doanh nghiệp bị hạ xếp hạng tín dụng do tác động Covid-19. Chủ tịch Christine Lagarde cho biết khả năng cao kinh tế Châu Âu rơi vào kịch bản tăng trưởng âm từ 8-12%. Nhìn chung, ECB tiếp tục nới lỏng hỗ trợ sự hồi phục của kinh tế khu vực, phòng tránh giảm phát, đặc biệt trong

bối cảnh giá dầu nhiều biến động. Chỉ số PMI dịch vụ của EU tăng lên 28.7 trong tháng 05 từ mức 12.0 trong tháng 04. Chỉ số PMI sản xuất của EU tăng lên 39.5 trong tháng 05 từ mức 33.4 trong tháng 04. Lạm phát của EU tăng 0.1% trong tháng 05, giảm so với mức tăng 0.3% trong tháng 04, thấp nhất kể từ tháng 06/2016. Lạm phát cơ bản của EU tăng 0.9% trong tháng 05, tương đương với mức tăng trong tháng 04. Nhằm tránh giảm phát và hỗ trợ các điều kiện vĩ mô, chính sách nới lỏng khả năng tiếp tục được duy trì trong giai đoạn tiếp theo.

- 3. *Căng thẳng quan hệ Hoa Kỳ – Trung Quốc, cuộc họp chính sách của PboC (22/06):*** Tuyên bố hủy bỏ đãi ngộ đặc biệt đối với đặc khu hành chính Hongkong của Tổng thống Donald Trump, làm gia tăng căng thẳng quan hệ Hoa Kỳ – Trung Quốc, tuy chưa tác động tới thỏa thuận giai đoạn 1 đạt được hồi tháng 1. Hôm 28/5, Trung Quốc thông qua luật an ninh mới đối với Hongkong. Căng thẳng giữa hai quốc gia thực tế cũng đã xấu đi khi chính phủ Mỹ chỉ trích việc Trung Quốc chậm thông tin về mức độ lây lan, khiến dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên toàn cầu. Chính sách bài Trung Quốc khả năng cao đóng vai quan trọng trong cương lĩnh bầu cử của tổng thống Donald Trump. Căng thẳng trong quan hệ hai nước vì vậy có thể tiếp tục tiêu cực trong giai đoạn tới. Tuy vậy, việc thỏa thuận giai đoạn một bị bãi bỏ ít khả năng xảy ra khi Hoa Kỳ cũng phải đối phó với tác động của Covid-19. Trung Quốc nhiều khả năng không thay đổi mục tiêu đề ra tại cuộc họp quốc hội kết thúc hôm 29/5: giảm thất nghiệp, hạn chế phá sản, duy trì thu nhập hộ gia đình, và an ninh năng lượng, thực phẩm. Chính sách tiền tệ được định hướng tiếp cận trực tiếp hơn nữa. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PboC) khả năng sử dụng một trong năm biện pháp bao gồm: cho phép doanh nghiệp nhỏ chậm hoàn trả nợ và lãi vay, tăng cường các khoản vay không lãi suất, cải thiện các khoản tín dụng bảo lãnh của chính phủ, hỗ trợ trái phiếu, cùng phát triển chuỗi cung ứng tài chính. Tuy vậy, lãi suất điều hành khả năng cao được giữ tại mức hiện hành, khi các chỉ báo vĩ mô bắt đầu cho thấy kinh tế nước này diễn biến tích cực hơn trong giai đoạn qua. Chỉ số PMI dịch vụ của EU tăng lên 44.4 trong tháng 04 từ mức 43.0 trong tháng 03. Chỉ số PMI sản xuất của nước này giảm nhẹ xuống 49.4 trong tháng 04, từ mức 50.3 trong tháng 03. Với các chỉ số vĩ mô có khả năng tiếp tục phục hồi cùng cầu hàng hóa và dịch vụ quốc tế, khi các nước tái khởi động sản xuất kinh doanh, PBOC khả năng tiếp tục giữ lãi suất tại cuộc họp tới.

Đối với tình hình trong nước, các tiêu điểm trong tháng 05/2020 bao gồm những vấn đề sau:

- 1. Nghị định 46/2020/NĐ-CP quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa quá cảnh thông qua Hệ thống quá cảnh Hải quan ASEAN (ACTS).** Doanh nghiệp được miễn bảo lãnh nhiều hành trình khi quá cảnh thông qua ACTS nếu đáp ứng các điều kiện sau: Được công nhận doanh nghiệp quá cảnh ưu tiên, Doanh nghiệp có đăng ký dịch vụ

vận tải hoặc kinh doanh dịch vụ logistics theo quy định của pháp luật, Doanh nghiệp không nợ quá hạn quá 90 ngày tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và không bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế trong lĩnh vực hải quan trong thời hạn 02 năm liên tục. Hàng hóa quá cảnh thông qua ACTS được đưa từ Việt Nam đến các nước thành viên ASEAN hoặc đưa từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam qua 03 cửa khẩu quốc tế: Cầu Treo (Hà Tĩnh); Lao Bảo (Quảng Trị), Mộc Bài (Tây Ninh).

- 2. Thông tư 09/2020/TT-BCT quy định về lộ trình áp dụng cửa khẩu nhập khẩu, xuất khẩu đối với hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh chuyển khẩu, gửi kho ngoại quan.** Hàng hóa kinh doanh tạm nhập tái xuất, kinh doanh, chuyển khẩu, nếu nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền thì việc nhập khẩu, tái xuất đó chỉ được thực hiện qua các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính được mở theo quy định tại Nghị định 112/2014/NĐ-CP. Quy định này được áp dụng cho cả hàng hóa nước ngoài tạm nhập tái xuất gửi kho ngoại quan nếu hàng hóa được nhập khẩu vào hoặc tái xuất ra khỏi Việt Nam qua biên giới đất liền.
- 3. Thông tư 23/2020/TT-BTC quy định tạm ứng, vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách Nhà nước.** Thời hạn vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách trung ương do Bộ Tài chính quyết định nhưng tối đa là 12 tháng, kể từ ngày Hợp đồng cho vay ngân quỹ Nhà nước có hiệu lực. Đối với các khoản vay ngân quỹ Nhà nước, thời hạn rút vốn chậm nhất là ngày 31/12 của năm phát sinh khoản vay. Sau thời hạn này, khoản vay ngân quỹ Nhà nước sẽ hết hạn rút vốn và bị hủy bỏ. Việc hoàn trả khoản vay ngân quỹ Nhà nước cũng có thể được xem xét gia hạn trong trường hợp ngân sách trung ương có khó khăn, chưa bố trí được nguồn để hoàn trả. Thời gian gia hạn tối đa là 12 tháng, kể từ ngày đến hạn hoàn trả khoản vay theo quy định tại Hợp đồng cho vay ngân quỹ Nhà nước. Việc đề nghị gia hạn khoản vay này phải được tiến hành trước ngày đến hạn hoàn trả ít nhất 20 ngày làm việc.
- 4. Thông tư 28/2020/TT-BTC bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng.** Bộ Tài chính quyết định bãi bỏ:
 - Thông tư 194/2009/TT-BTC hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng.
 - Quyết định số 99/2005/QĐ-BTC ban hành quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa dễ cháy và dễ nổ trên đường thủy nội địa.
 - Thông tư số 99/2011/TT-BTC hướng dẫn quản lý tài chính đối với việc thực hiện thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu.
 - Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013.

- Thông tư số 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp.
- Thông tư số 57/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 121/2011/TT-BTC.
- Thông tư số 96/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 121/2011/TT-BTC và Thông tư số 101/2012/TT-BTC.
- Thông tư số 105/2007/TT-BTC hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.
- Thông tư số 35/2012/TT-BTC hướng dẫn về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

Bảng 4
Các chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ tiêu/Tháng	2019M09	2019M10	2019M11	2019M12	2020M01	2020M02	2020M03	2020M04
GDP so với cùng kỳ năm trước (%)	-	-	6.97	-	-	3.82	-	-
GDP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	-	-	7.02	-	-	3.82	-	-
PMI	50.0	51.0	50.8	50.6	49.0	41.9	32.7	42.7
IIP so với cùng kỳ năm trước (%)	9.2	5.4	10.4	-5.5	23.7	5.4	-10.5	-3.1
IIP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	9.5	9.3	8.86	-5.5	6.2	5.8	1.8	1.0
Tổng doanh thu dịch vụ bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ năm trước (%)	13.3	12.6	11.4	10.2	6.0	-0.8	-26	-4.8
Tổng doanh thu dịch vụ bán lẻ hàng hóa ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	11.8	11.8	11.3	10.2	8.3	4.7	-4.3	-3.9
CPI so với tháng trước (%)	0.59	0.96	1.4	1.23	-0.17	-0.72	-1.54	-0.03
CPI so với cùng kỳ năm trước (%)	2.24	3.52	5.23	6.43	5.40	5.56	2.93	2.40
FDI đăng ký ytd (tỷ USD)	18.30	20.60	22.5	4.83	5.64	6.60	9.8	10.9
FDI giải ngân ytd (tỷ USD)	16.20	17.60	20.4	1.60	2.50	3.90	5.2	6.7
Xuất khẩu (tỷ USD)	24.2	22.6	22.5	19.0	18.6	20.0	19.7	18.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	22.4	22.5	22.3	19.1	18.5	19.0	20.4	29.4
Cán cân TM (tỷ USD)	1.8	0.1	0.2	-0.1	0.1	1.0	-0.7	-0.9
Tỷ giá (USD/VND)	23,262	23,260	23,218	23,200	23,233	23,637	23,570	23,282
Tăng trưởng tín dụng (%)	-	-	13.7	-	-	0.68	-	-

Nguồn: BSC Research

Thị trường chứng khoán tháng 5/2020

Tổng quan thị trường

Trong tháng 5, đà tăng của VN-Index từ tháng 04 đã chứng lại vào tuần cuối tháng khi thị trường quay trở lại vùng kháng cự 860-880 điểm. Diễn biến dịch Covid-19 tại Việt Nam đã nằm trong kiểm soát cùng với hàng loạt chính sách tài khóa và tiền tệ hỗ trợ nền kinh tế đã giúp nâng đỡ tâm lý nhà đầu tư. Dòng tiền nội tiếp tục đổ mạnh vào thị trường nhưng đã bắt đầu có dấu hiệu suy yếu vào tuần cuối tháng. Trong khi đó, khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Tính đến ngày 29/05/2020, VN-Index chính thức tăng 95.36 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (+12.3% MoM, -10.0% Ytd) và HNX-Index chỉ tăng +2.97 điểm (+2.8% MoM, +7.1% Ytd).

Hiệu suất của các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa đều đồng thuận tăng mạnh. Trong tháng 5, sàn HSX có 280 cổ phiếu tăng, 91 cổ phiếu giảm và 10 cổ phiếu không đổi. 5 cổ phiếu hỗ trợ VN-Index gồm VCB tăng +25.3% (góp 18.22 điểm), VHM tăng +20.4% (góp 12.44 điểm), VNM tăng +16.2% (góp 7.96 điểm), GAS tăng +17.35% (góp 6.0 điểm), BID tăng +12.6% (góp 5.17 điểm). Các cổ phiếu khiến VN-Index giảm điểm mạnh nhất gồm VJC giảm -2.2% (giảm -0.39 điểm), POW giảm -2.8% (giảm -0.20 điểm), DTL giảm -47.1% (giảm -0.15 điểm), BIC giảm -12.3% (giảm -0.10 điểm) và PPC giảm -3.2 (giảm -0.08 điểm).

Bảng 6

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HOSE

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
5	864.47	5.43	3,014.56
4	769.11	4.77	2,684.21
3	662.53	4.73	2,312.03
2	882.19	3.36	3,020.00
1	936.62	2.35	3,206.04
12	960.99	3.69	3,279.93

Nguồn: HSX, Bloomberg, BSC Research

Bảng 7

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HNX

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
5	109.81	1.10	214.82
4	106.84	1.02	207.94
3	92.64	1.43	185.31
2	109.58	0.81	211.55
1	102.36	0.47	192.02
12	102.51	0.56	194.72

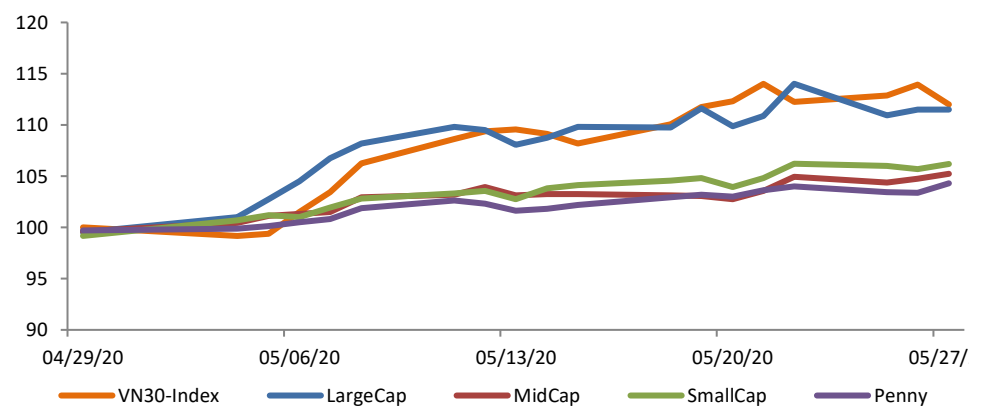
Nguồn: HNX, Bloomberg, BSC Research

Diễn biến nhóm cổ phiếu

Hiệu suất của các nhóm cổ phiếu phân theo vốn hóa đều tăng điểm với mức tăng lớn nhất ở nhóm VN30 và Largecap. Trong tháng 05, thị trường chủ yếu được nâng đỡ bởi dòng tiền chảy đều vào các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Cụ thể, LargeCap tăng +11.5%, MidCap tăng +5.2%, SmallCap tăng +6.2%, Pennies tăng +4.3%, và VN30 tăng +12.7%.

Đồ thị 9

Biến biến của các nhóm cổ phiếu

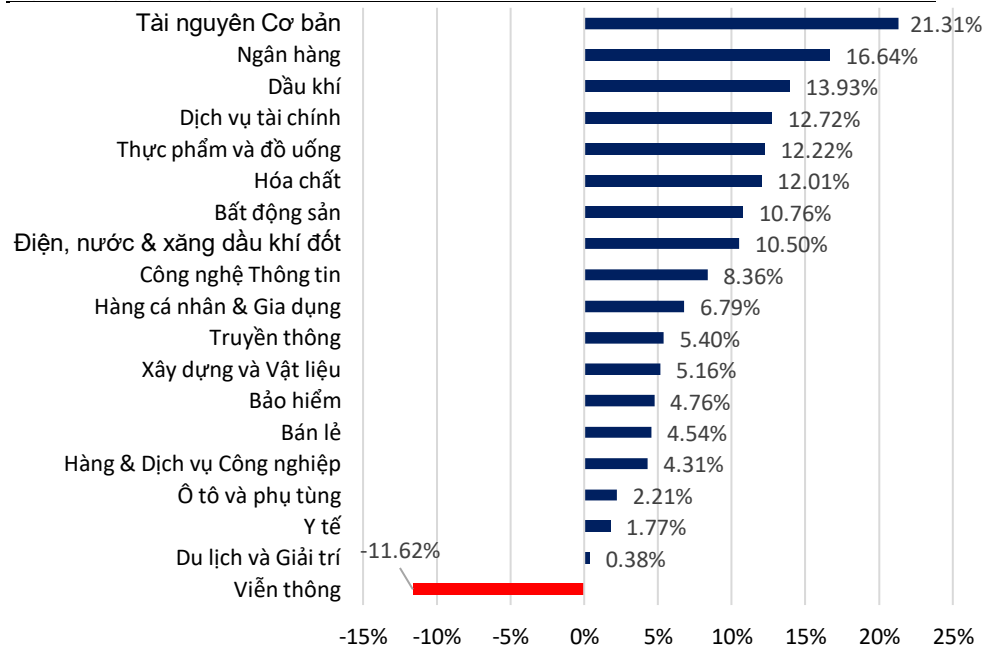


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Trong tháng 5, thị trường có 18/19 ngành tăng điểm. Trong đó, Tài nguyên cơ bản tăng mạnh nhất với hiệu suất 21.31% do sự đóng góp của cổ phiếu HPG và HSG với mức tăng lần lượt là +28.51% và +36.23%.

Đồ thị 10

Ngành cấp 2 tháng 5 2020



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Quy mô vốn hóa

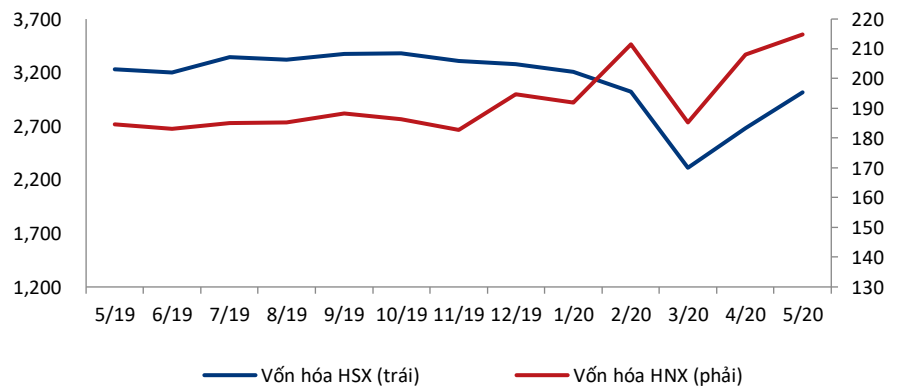
Vốn hóa trên cả 2 sàn đạt 3,229 nghìn tỷ đồng tương đương 139.2 tỷ USD tăng mạnh +11.6% MoM, -7.1% Ytd. Sàn Upcom tăng mạnh lên mức 909.6 nghìn tỷ cuối tháng 5. Tính trong tháng 5, tình hình niêm yết trên HOSE như sau:

- **Cổ phiếu:** 126.4 triệu cổ phiếu niêm yết lần đầu và không có cổ phiếu hủy niêm yết, 137.5 triệu cổ phiếu niêm yết bổ sung
- **ETF:** 10.2 triệu ETF niêm yết lần đầu, 83.1 triệu ETF niêm yết bổ sung và 11.6 triệu ETF hủy niêm yết;
- **Trái phiếu:** 20 triệu trái phiếu niêm yết lần đầu, không có trái phiếu niêm yết bổ sung và 10 triệu trái phiếu hủy niêm yết;
- **Chứng quyền:** 11 triệu chứng quyền niêm yết lần đầu, 10 triệu chứng quyền niêm yết bổ sung và 43 triệu chứng quyền hủy niêm yết.

Về quy mô niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 29/05, sàn đang niêm yết 89.29 tỷ cổ phiếu tương đương 892.93 nghìn tỷ đồng (95.79% giá trị thị trường), 329.2 triệu trái phiếu tương đương 32.9 nghìn tỷ đồng (3.53% giá trị thị trường), 564 triệu chứng chỉ ETF tương đương 5.64 nghìn tỷ đồng (0.61% thị trường) và 160 triệu chứng quyền tương đương 0.32 nghìn tỷ đồng (0.03% thị trường)

Đồ thị 11

Vốn hóa thị trường



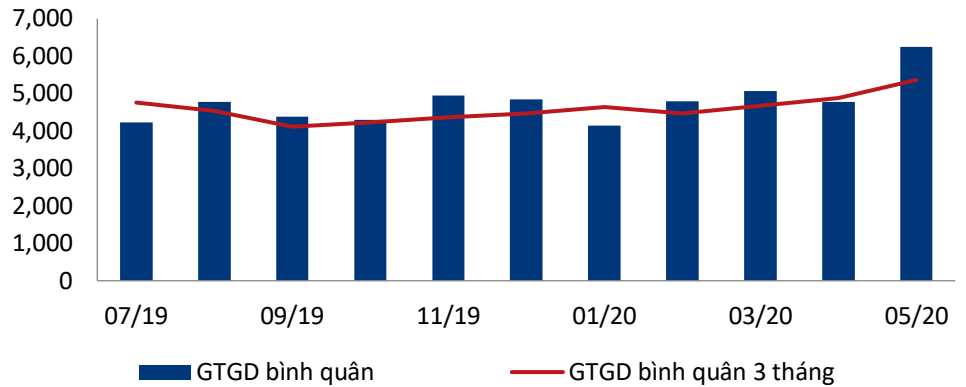
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thanh khoản bình quân toàn thị trường

Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng mạnh +131% so với tháng 04/2020, và đạt mức 6,237 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 268.85 triệu USD/phiên. Thanh khoản tăng mạnh trong tháng 05 chủ yếu do một loạt các giao dịch thỏa thuận lớn đã được hiện trong tháng này như 2,335 tỷ đồng cổ phiếu MSN, 446 tỷ đồng cổ phiếu PC1 và 2,200 tỷ đồng cổ phiếu VHM.

Đồ thị 12 Giá trị giao dịch bình quân

Tỷ VND

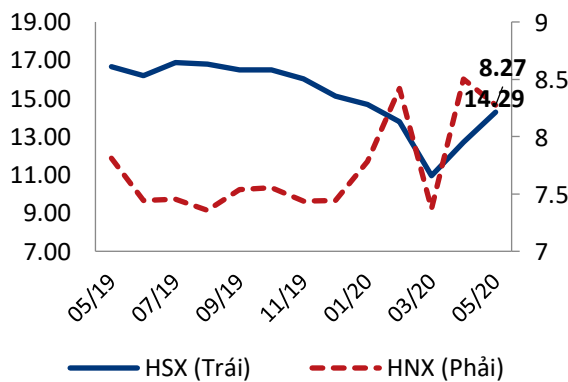


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mặt bằng giá của TTCK VN

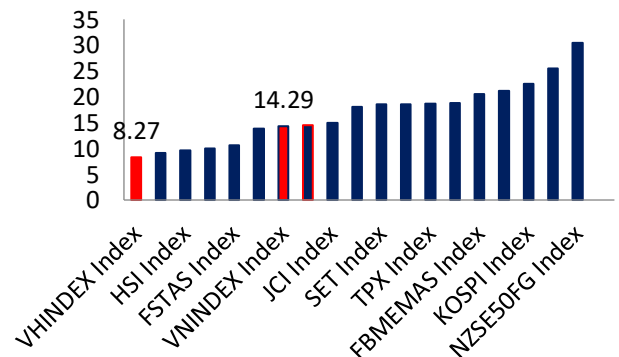
P/E của VN-Index hồi phục mạnh lên mức 14.29 tương ứng +20.8% MoM, -7.1% Ytd và HNX-Index giảm xuống mức 8.27 tương ứng -3.3% MoM, +14.4% Ytd. P/E của VN-Index có mức hồi phục mạnh trong khi P/E của HNX-Index giảm nhẹ do dòng tiền thị trường chủ yếu tập trung vào các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn tập trung ở VN-Index. So với tháng 04, P/E của chỉ số VN-Index tăng lên vị trí thứ 13 và HNX-Index vẫn nằm ở vị trí cuối cùng trong khu vực Châu Á.

Đồ thị 13 Diễn biến chỉ số P/E 2 sàn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 14 Chỉ số P/E của VN so với các nước trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

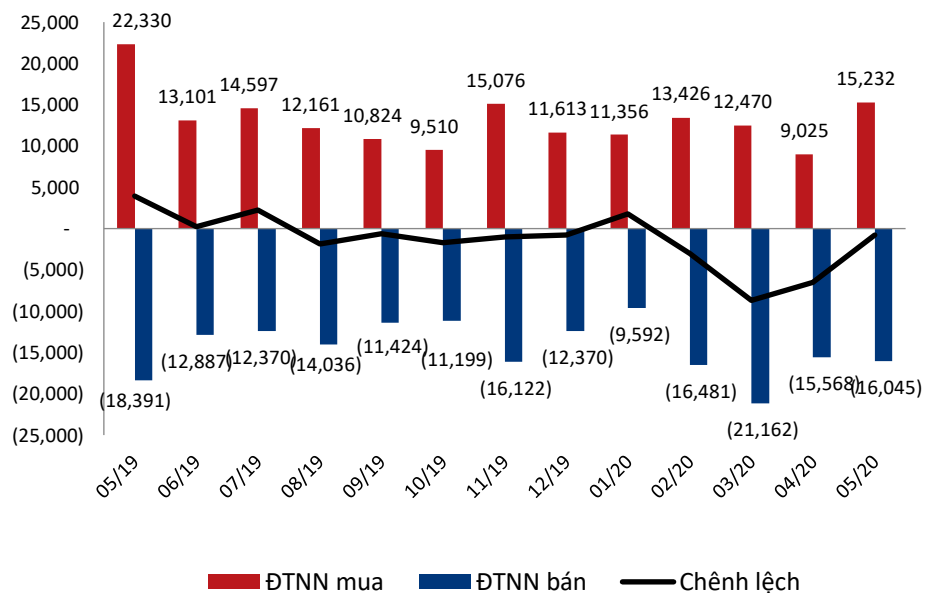
Giao dịch của khối ngoại

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong tháng 05. Tháng 05 cũng chứng kiến khối ngoại bán ròng trên sàn Upcom khi tổng giá trị bán ròng đạt -212.5 tỷ đồng, họ tập trung bán -171.5 tỷ đồng ACV và -72 tỷ đồng BSR trong khi mua ròng 47.5 tỷ đồng VTP và 28.6 tỷ đồng LPB.

Đồ thị 15

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên 2 sàn

Tỷ VND



Nguồn: BSC Research

Trong tháng 05, khối ngoại bán vẫn tiếp tục bán ròng nhưng mức bán đã giảm xuống còn -558 tỷ đồng trên sàn HSX với 204 cổ phiếu bán ròng và 129 cổ phiếu mua ròng, bán ròng -255 tỷ đồng trên sàn HNX với 94 cổ phiếu bán ròng và 86 cổ phiếu mua ròng. Trên sàn HSX, khối ngoại mua mạnh các mã MSN (2,367 tỷ đồng), VNM (823 tỷ đồng), VCB (699 tỷ đồng), và bán các mã VHM (-1,828 tỷ đồng), VIC (-453 tỷ đồng), PC (-446 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhóm này tập trung bán SHB (-112.1 tỷ đồng), PVS (-94.8 tỷ đồng) và mua VCS (10.9 tỷ đồng), NTP (8.0 tỷ đồng).

Bảng 8

Top 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HSX tháng 5

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
MSN	2,367.40	VHM	(1,828.02)
VNM	823.67	VIC	(453.93)
VCB	699.13	PC1	(446.19)
FUEVFNVD	676.70	HPG	(296.15)
VPB	408.29	VRE	(246.59)
PLX	115.46	VJC	(171.94)
FUESSVFL	103.82	VCI	(169.30)
PHR	70.70	DPM	(141.96)
CTG	62.38	SVC	(136.89)
BMP	36.48	BVH	(133.66)

Nguồn: BSC Research

Bảng 9

Top 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HNX tháng 5

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
VCS	10.88	SHB	(112.05)
NTP	8.01	PVS	(94.82)
PVI	3.32	SHS	(23.61)
PLC	1.69	HUT	(21.87)
LAS	1.28	BVS	(7.96)
IDV	1.19	PGS	(3.31)
SLS	1.15	TIG	(3.19)
HDA	0.95	DGC	(2.20)
SDT	0.69	ART	(2.12)
EID	0.57	PVC	(2.02)

Nguồn: BSC Research

Triển vọng thị trường tháng 6

Thông tin 25% dân số Mỹ thất nghiệp, Châu Âu đứng trước nguy cơ giảm phát cho dù tăng trưởng âm -3.8% quý I, và căng thẳng Mỹ - Trung trở lại chưa thể làm chùn bước giới đầu tư quốc tế. Thay vào đó các nền kinh tế đang mở cửa trở lại ngay khi Covid-19 chưa kiểm soát hoàn toàn, kỳ vọng thử nghiệm vắc-xin ngừa dịch bệnh và hơn hết là dòng tiền giá rẻ ở các quốc gia chủ chốt là mới là động lực ngắn hạn giúp các kênh đầu tư tăng trưởng.

Ngân hàng TW Mỹ, EU cam kết duy trì chính sách nới lỏng hiện tại và sẵn sàng mở rộng các gói lượng để đưa nền kinh tế, tình trạng việc làm và lạm phát hoàn toàn hồi phục. Trung Quốc sau nhiều năm đã không đưa mục tiêu tăng trưởng mà đặt mục tiêu tạo thêm việc làm và điều chỉnh mức thâm hụt ngân sách từ 2.8% lên 3.6% GDP đồng nghĩa với việc Chính phủ sẽ tăng chi tiêu thêm hàng trăm tỷ USD hỗ trợ nền kinh tế. Nhật Bản cũng sẽ sớm thông qua gói hỗ trợ 1 nghìn tỷ USD, đưa tổng mức hỗ trợ gần 40% GDP nhằm đối phó mức suy giảm kinh tế mạnh.

Các biện pháp hỗ trợ được đưa ra khi các nền kinh tế đã được mở cửa lại trong bối cảnh dịch bệnh chưa hoàn toàn được kiểm soát. Tính 31/5, thế giới đã có gần 6.2 triệu ca nhiễm tăng gần 2.9 triệu ca so với tháng 4 và số ca tử vong đã trên 370 nghìn người. Brazil và Nga chiếm 2 vị trí sau sau Hoa Kỳ là quốc gia có số ca nhiễm nhiều nhất.

Các nền kinh tế đã mở cửa lại khiến cho nguy cơ làn sóng dịch bệnh thứ 2 có thể trở lại. Các nền kinh tế mở lại tiếp tục hỗ trợ các thị trường chứng khoán hồi phục tốt trong tháng 5. Các chỉ số MSCI các thị trường phát triển, MSCI khu vực mới nổi, MSCI khu vực biên (theo tỷ giá USD) có mức tăng giảm lần lượt 4.6%, 0.6% và 3.7%. Thị trường hàng hóa (Bcom Index) tăng 4.3%, đáng chú ý giá dầu và bạc tăng lần lượt 88% và 24%. Thị trường tiền tệ, USD Index giảm -1.4% so hầu hết đồng nội tệ. Diễn biến chú ý là CNY giảm về gần mức thấp nhất tháng 9/2018 giảm về mức 7.17 CNY/USD.

TTCK Việt Nam có tháng 5 tăng trưởng tốt đồng pha xu hướng hồi phục của thị trường khu vực và thế giới. Việt Nam kiểm soát thành công dịch bệnh, mùa công bố KQKD quý I và chính sách hạ lãi suất điều hành của NHNN hỗ trợ cho dòng tiền tham gia trên TTCK. Dòng tiền của nhà đầu tư nội, ETFs nội vẫn tích cực, vận động luân chuyển và lan tỏa rộng qua nhiều nhóm ngành và nhóm cổ phiếu. VN-Index tăng 12.4% với 18/19 ngành tăng điểm, trong đó một số ngành có mức tăng trưởng vượt trội gồm Tài nguyên cơ bản (21.3%), Ngân hàng (+16.6%), và Dầu khí (+13.9%). Thị trường có nhịp tích lũy giữa tháng 5 và tiếp tục hồi phục hướng tới vùng kháng cự 860 – 880 điểm vào cuối tháng.

Trong tháng 5, thị trường diễn biến thuận lợi nhờ thông tin dịch bệnh kiểm soát và dòng tiền mới của NĐT. BSC tập trung cập nhật thông tin, đánh giá và và thực hiện các báo cáo phân tích cơ hội đầu tư các cổ phiếu VHC ([Link](#)), ACB

([Link](#)), VCB ([Link](#)), DGW ([Link](#)), CSV ([Link](#)), VNM ([Link](#)), MWG ([Link](#)), HDG ([Link](#)), PLC ([Link](#)), PNJ ([Link](#)), VTP ([Link](#)), DXG ([Link](#)), HPG ([Link](#)), TCB ([Link](#)), SZC ([Link](#)), VEA ([Link](#)), và HPG ([Link](#)). Chúng tôi cũng cập nhật nhanh 27 công ty qua iBroker ([Link](#)) trong kỳ họp Đại hội cổ đông và cung cấp công cụ đầu tư qua i-Invest ([Link](#)).

Nền kinh tế đang dần hồi phục sau gần 1 tháng thực hiện giãn cách ly xã hội. Các chính sách hỗ trợ kinh tế sau dịch nhằm lấy lại đà tăng trưởng vẫn đang được tích cực triển khai. Dù vậy khả năng hồi phục nhanh hay chậm vẫn phụ thuộc vào khả năng kiểm soát dịch bệnh của các đối tác thương mại chủ chốt. Cùng với đó, những thông tin cũng có tác động đến thị trường trong tháng 6 như sau:

Dịch Virus Covid-19 khống chế, hoạt động sản xuất kinh dần hồi phục. Quyết định nới lỏng giãn cách xã hội và các chính sách hỗ trợ của Chính phủ, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô – xã hội trong tháng 5 đã dần hồi phục, theo đó (1) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 11.2% so với tháng 4 và tăng 1% trong 5 tháng; (2) Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước tăng 17.5% cùng kỳ và tăng 15.6% trong 5 tháng so cùng kỳ; (3) Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tăng 27% so với tháng 4, tính chung 5 tháng giảm 3.9% so cùng kỳ; (4) Cán cân thương mại tháng năm ước xuất siêu 1.9 tỷ USD; (5) Số doanh nghiệp mở mới tăng 36% tháng 5, giảm 10.5% trong 5 tháng so cùng kỳ.

Dù vậy khó khăn hạn hán, xâm ngập mặn khiến ngành lâm nghiệp và thủy sản phục hồi chậm. Cùng với đó, các đối tác thương mại quan trọng vẫn bị ảnh hưởng dịch bệnh cũng kìm hãm đà hồi phục của nền kinh tế. Một số chỉ tiêu chưa có hồi phục rõ như (1) FDI trong 5 tháng giảm 17% cùng kỳ; (2) Tổng kim ngạch XNK 5 tháng giảm 2.8% cùng kỳ, trong đó Xuất khẩu giảm 1.7% và nhập khẩu giảm 2.8%; (3) Chỉ số CPI giảm 0.03% so tháng trước, CPI bình quân 5 tháng dù vậy tăng 4.39% cùng kỳ, mức cao nhất trong 3 năm; (4) Khách quốc tế giảm 13.6% so tháng trước, giảm 48.8% trong 5 tháng so cùng kỳ.

Dịch bệnh cũng không có ca nhiễm mới trong cộng đồng 45 ngày liên tiếp là yếu tố quan trọng đưa nền kinh tế hoạt động bình thường trở lại. Đây cũng là yếu tố tâm lý giúp cho TTCK duy trì kỳ vọng hiện tại. Tuy nhiên mức phục hồi kinh tế sẽ còn phụ thuộc vào khả năng kiểm soát dịch bệnh các đối tác thương mại quan trọng. Thị trường sẽ sớm đối mặt những kiểm định thực tế về khả năng hồi phục nền kinh tế và doanh nghiệp sau những kỳ vọng ban đầu.

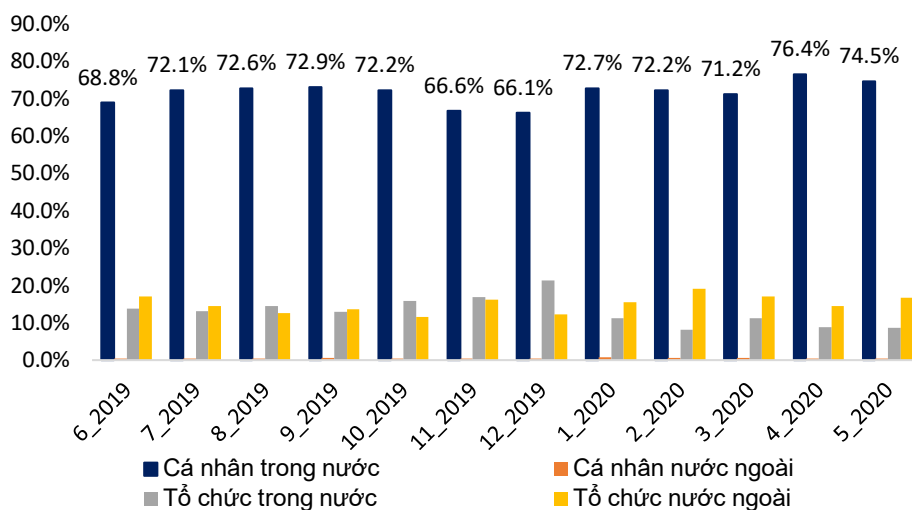
Vận động của dòng tiền trên thị trường, dòng vốn nội bần bị hỗ trợ đà tăng chỉ số. Khối ngoại duy trì đà bán ròng 79 triệu USD tháng 5, qua đó nâng tổng giá trị bán ròng lên 712 triệu USD từ đầu năm. Tuy nhiên VN-Index vẫn duy trì đà hồi phục nhờ dòng vốn nội giao dịch tích cực, dòng vốn từ hoạt động mua cổ phiếu quỹ, cổ động nội bộ và dòng vốn mới từ các ETFs nội.

Dòng vốn nội tích cực thể hiện qua: (1) Lượng nhà đầu tư mới tham gia thị trường gia tăng. Số lượng tài khoản đầu tư (trong đó phần lớn tài khoản NĐT trong nước) mở mới trong tháng 4 đạt 36.8 nghìn tài khoản, cao hơn 4.7 nghìn tài khoản so mức đỉnh tháng 3; (2) NĐT trong nước đẩy mạnh giao dịch trên thị trường. Tỷ trọng giá trị giao dịch của NĐT cá nhân trong nước trong tháng

4 và 5 lần lượt 76.4% và 74.5% toàn thị trường. Đây là mức cao nhất kể tháng 10/2018 và cao hơn 3% so với bình quân 12 tháng.

Đồ thị 16

Tỷ trọng giao dịch của NĐT trên thị trường trong 12 tháng



Nguồn: FiinPro, BSC Research

Dòng vốn từ hoạt động mua cổ phiếu quỹ và cổ đông nội bộ. Tính đến 25/5, 77 công ty trên 3 sàn đã đăng ký mua cổ phiếu quỹ với giá trị khoảng 4,732 tỷ và đã thực hiện mua xong 2,192 tỷ. Cùng với đó, cổ đông nội bộ các công ty niêm yết cũng đã mua xong 4,785 tỷ và còn 482 tỷ đăng ký mua chưa thực hiện. Hầu hết các công ty và cổ đông nội bộ đăng ký mua cổ phiếu vào thời điểm tháng 3 – tháng 4 khi giá cổ phiếu giảm sâu và hoạt động giao dịch diễn ra vào tháng 4 – tháng 5.

Trong khi ETFs ngoại tiếp tục rút ròng 83 tỷ (ETF VNM rút 20 tỷ, ETF FTSE VN rút 63 tỷ) thì ETFs nội huy động vốn tăng đột biến trong tháng 5 với giá trị 697 tỷ (579 tỷ FUEVFNVD – Diamond và 225 tỷ FUESSVFL – FinLead, E1FVN30 bán ròng 107 tỷ).

Các xu hướng dịch chuyển của dòng tiền hiện tại vẫn đang hỗ trợ cho chỉ số hồi phục. Các nhóm cổ phiếu trụ cột nâng đỡ chỉ số, tạo điều kiện cho dòng tiền luân chuyển và đẩy dần mặt bằng cổ phiếu. Dù vậy dòng từ ETFs tiền nội đang có dấu hiệu bão hòa vào cuối tháng 5, trong khi khối ngoại chưa có dấu hiệu mua ròng trở lại sẽ là khó khăn cho chỉ số duy trì đà tăng khi mặt bằng giá đã tiến gần thời điểm trước khi có khủng hoảng dịch bệnh.

Dấu hiệu căng thẳng thương mại Mỹ - Trung đang quay trở lại. Cùng với việc tiếp tục đổ lỗi cho Trung Quốc làm lây lan dịch bệnh, Chính quyền Trump đang hâm nóng cuộc chiến thương mại thông qua một loạt các động thái chính sách khác nhau. Tổng thống Mỹ gia hạn lệnh cấm không cho phép các công ty Mỹ hợp tác và mua linh kiện với Huawei cho đến tháng 5 năm 2021. Bộ thương mại Mỹ ngày 22/5 cũng đưa thông báo đưa 8 đối tượng, trong đó có Viện khoa học pháp y của Bộ công an Trung Quốc vào “danh sách đen” thương mại.

Ngày 20/5, Thượng viện Mỹ thông qua đạo luật tăng cường giám sát các công ty có trụ sở nước ngoài, mục tiêu nhiều khả năng hướng tới các công ty Trung Quốc. Các công ty này có thể bị cấm giao dịch nếu cơ quan quản lý Mỹ không thể kiểm toán 3 năm liên tiếp. Ngoài ra các công ty niêm yết phải có giấy chứng nhận “không thuộc sở hữu hay bị kiểm soát bởi một chính phủ nước ngoài”.

Trung Quốc ngày 21/5 công bố dự luật ninh HongKong, trong đó cấm những hành vi nổi loạn, ly khai và lật đổ. Luật này sẽ càng đào sâu khoảng cách so với đạo Luật dân chủ và nhân quyền HongKong đã được Mỹ thông qua trong năm 2019. HongKong theo đó có thể mất trạng thái thương mại đặc biệt khi Bộ ngoại giao Mỹ đánh giá Trung Quốc đã áp đặt nhiều quyền kiểm soát hơn với đặc khu này.

Theo cam kết thương mại giai đoạn 1, Trung Quốc Quốc cam kết chi thêm 200 tỷ USD nhập khẩu hàng hóa Mỹ so với kim ngạch 2017. Trung Quốc do vậy phải chi 36.6 tỷ USD nhập khẩu hàng Mỹ trong năm 2020. Mức trung bình là 9.1 tỷ USD hàng quý, tuy nhiên quý I thực tế chỉ đạt 5.1 tỷ. Do ảnh hưởng kinh tế suy giảm và dịch Covid-19, cam kết của Trung Quốc đã không dễ đạt được. Thì những diễn mới phát sinh đang đẩy 2 phía đến căng thẳng và nguy cơ khủng hoảng mới.

Bảng 12

Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 6:

Sự kiện	Tác động đến TTCK
Dịch bệnh kiểm soát tốt, nền kinh tế sẽ sớm vận hành trở lại bình thường.	Tích cực đến nền kinh tế, doanh nghiệp và TTCK
Công bố KQKD dự kiến quý II năm 2020 và đại hội cổ đông thường niên các công ty niêm yết.	Thị trường sẽ có sự đánh giá lại, tính phân hóa rõ ràng
Dòng vốn mới từ NĐT cá nhân trong nước	Tích cực, giúp thị trường cân bằng
Dòng vốn từ các quỹ ETFs dựa trên bộ chỉ số VNFin lead Index và VNDiamond Index.	Tích cực, nhưng đang có dấu hiệu chững vào cuối tháng 5.
Quốc hội kỳ họp thứ 9 từ 20/5 đến 19/6	Xem xét các vấn đề KT – XH, 1 số luật quan trọng
Các ETFs công bố điều chỉnh danh mục và thực hiện cơ cấu	Tăng thanh khoản cho thị trường
Hoạt động rút vốn của khối ngoại theo xu hướng thế giới	Tác động tiêu cực
Dịch bệnh Virus Covid-19 tạo đỉnh, 1 số nước mở cửa lại nền kinh tế và kỳ vọng thử nghiệm vắc-xin	Ảnh hưởng tích cực
Nguy cơ suy thoái cao ở các nước và khu vực chủ chốt thế giới	Tiêu cực trung hạn, phụ thuộc vào tốc độ hồi phục các nền kinh tế
Căng thẳng Mỹ - Trung trở lại, liên quan đến HongKong và cam kết mua hàng hóa Mỹ của Trung Quốc	Tiềm ẩn nguy cơ bất ổn
Giá dầu hồi phục mạnh, tuy nhiên nhu cầu chưa ổn định	Nguy cơ điều chỉnh, ảnh hưởng đến các nước và ngành liên quan

Nguồn: BSC Research

Dòng tiền mới từ các ETFs nội và dòng tiền NĐT cá nhân nội vẫn đang động lực nâng đỡ thị trường. Sau hơn 1 tháng tăng điểm, mặt bằng giá đã gần về mức giá trước dịch bệnh do các công ty sụt giảm lợi nhuận 23% trong quý I. Thị trường sẽ sớm đối mặt với kiểm định thực tế của KQKD của các công ty

niêm yết trong quý II. Dư địa tăng điểm thu hẹp trong khi các yếu tố rủi ro trong khu vực và thế giới ngày càng khó lường. Với bối cảnh hiện tại, chúng tôi thận trọng với diễn biến ngắn hạn và dự báo thị trường sẽ vận động từ 800 – 880 điểm trong tháng 6.

- Trường hợp tích cực, VN-Index giữ trên 835 điểm ở nhịp điều chỉnh và vận động phân hóa theo những chủ đề lớn liên quan đến đầu tư công và sản xuất hồi phục.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index giảm dưới 800 điểm khi nền kinh tế chủ chốt hồi phục không như kỳ vọng, căng thẳng Mỹ - Trung gia tăng và áp lực thoái vốn từ khối ngoại.

ĐT có thể tham khảo một số chủ đề, và các báo cáo cập nhật trong các tháng:

- Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng ngành Q2 2020 ([Link](#));
- Nhóm cổ phiếu các ngành như Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
- Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ hoạt động đẩy mạnh đầu tư công như Thép, Xi măng, VLXD, Nhựa đường;
- Nhóm hưởng lợi từ NVL đầu vào giảm như Phân bón, Xăm lớp, Hóa chất;
- Các cổ phiếu Tiện ích, cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao;
- Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

29/5/2020

* Danh mục đáng chú ý trong tháng: Theme_VN FinSelect_0.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	9/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
VN FinSelect	0.3%	0.4%	15.9%	33.5%	-6.6%	-6.6%	25.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	0.5%	15.8%	34.5%	-6.9%	-6.9%	18.1%
Ngân Hàng	-0.4%	1.1%	14.8%	32.1%	-5.0%	-5.0%	25.8%
FTSE Việt Nam	0.6%	1.1%	14.0%	28.8%	-8.0%	-8.0%	15.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.5%	0.5%	13.9%	41.2%	-9.8%	-9.8%	25.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.4%	1.3%	13.0%	30.5%	-8.3%	-8.3%	25.8%
Vật liệu Xây dựng	0.0%	2.9%	12.1%	45.0%	-1.8%	-1.8%	25.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	0.3%	11.9%	31.2%	-13.4%	-13.4%	25.8%
Xây dựng	-0.6%	3.7%	11.4%	38.5%	-5.0%	-5.0%	25.8%
Hàng tiêu dùng	0.8%	1.0%	10.9%	48.3%	-4.4%	-4.4%	15.6%
Lãi suất giảm	-0.6%	1.7%	10.7%	42.6%	-5.9%	-5.9%	19.1%
Corona Avengers	-0.5%	1.8%	10.6%	47.5%	-2.8%	-2.8%	15.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	0.4%	10.5%	32.2%	-8.8%	-8.8%	18.1%
VN Diamond	0.0%	-0.4%	10.4%	33.8%	-11.9%	-11.9%	25.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.1%	0.0%	9.9%	33.2%	-11.4%	-11.4%	18.1%
Dầu khí	-2.0%	0.2%	9.4%	40.2%	-24.2%	-24.2%	15.6%
BĐS & Khu công nghiệp	0.8%	3.3%	9.4%	27.9%	-11.3%	-11.3%	18.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.0%	3.7%	9.2%	34.1%	4.3%	4.3%	15.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.0%	1.5%	8.9%	36.2%	-7.7%	-7.7%	22.6%
Chiến tranh thương mại	0.0%	2.7%	8.6%	42.1%	-10.0%	-10.0%	18.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.4%	8.7%	7.5%	7.5%	7.5%	7.5%	22.6%
Stay-at-home	0.7%	1.2%	7.1%	38.4%	0.4%	0.4%	25.8%
Nước & Năng lượng	-0.4%	1.0%	5.8%	28.5%	-8.9%	-8.9%	25.8%
Ngành Dược	0.4%	0.6%	1.9%	17.8%	-5.7%	-5.7%	25.8%

Mục tiêu	1/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M22	0.2%	1.2%	14.3%	37.8%	-3.2%	-3.2%	19.0%
L32	-0.3%	2.3%	13.8%	49.1%	-9.7%	-9.7%	20.9%
M12	0.2%	1.4%	13.2%	31.6%	-6.1%	-6.1%	19.9%
S32	0.3%	1.2%	11.9%	45.5%	-14.6%	-14.6%	22.3%
S21	0.3%	2.9%	11.8%	37.3%	-7.0%	-7.0%	20.0%
M31	0.2%	1.4%	11.6%	33.8%	-8.6%	-8.6%	21.2%
L22	0.5%	2.3%	10.3%	40.3%	-8.0%	-8.0%	19.7%
S11	-0.1%	0.4%	9.3%	26.1%	-3.6%	-3.6%	19.0%
L11	0.0%	1.1%	8.1%	29.4%	-10.4%	-10.4%	17.5%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW 1	0.1%	2.0%	11.8%	28.1%	-5.5%	-5.5%	17.1%
HIGH3	0.4%	2.9%	10.5%	39.5%	-0.6%	-0.6%	19.0%
MID1	-0.2%	0.5%	8.8%	35.7%	-2.3%	-2.3%	17.5%

INDEX							
VNINDEX	0.4%	1.4%	12.4%	30.5%	-10.0%	-10.0%	16.8%
VN30INDEX	0.3%	0.4%	12.7%	32.0%	-8.3%	-8.3%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	9	15	9	15	6	18
Mục tiêu	9	1	8	4	5	3	6
Rủi ro	3	1	2	2	1	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn